

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ I NĂM 2011

Đơn vị tính: đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Quý I năm 2011		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	129,163,087,246	84,814,365,580	129,163,087,246	84,814,365,580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ (10 = 01 - 02)	10	129,163,087,246	84,814,365,580	129,163,087,246	84,814,365,580
4. Giá vốn hàng hóa	11	110,626,757,678	69,511,566,732	110,626,757,678	69,511,566,732
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	18,536,329,568	15,302,798,848	18,536,329,568	15,302,798,848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	258,822,764	777,161,879	258,822,764	777,161,879
7. Chi phí tài chính	22	88,125,874	1,029,130,764	88,125,874	1,029,130,764
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	88,125,874	224,441,670	88,125,874	224,441,670
8. Chi phí bán hàng	24	4,894,927,863	2,351,275,472	4,894,927,863	2,351,275,472
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4,262,942,994	2,918,127,564	4,262,942,994	2,918,127,564
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30	9,549,155,601	9,781,426,927	9,549,155,601	9,781,426,927
11. Thu nhập khác	31	2,005,000	93,194,106	2,005,000	93,194,106
12. Chi phí khác	32	200,000	712,069	200,000	712,069
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	1,805,000	92,482,037	1,805,000	92,482,037
14. Lợi nhuận hoặc lỗ từ Cty Liên doanh liên kết	45	-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50	9,550,960,601	9,873,908,964	9,550,960,601	9,873,908,964
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,058,622,551	937,849,627	1,058,622,551	937,849,627
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	8,492,338,050	8,936,059,337	8,492,338,050	8,936,059,337
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	399	449	427	449

KÊ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thanh Loan

Ngày 22 tháng 05 năm 2011
T. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Văn Hùng